

Bản án số: 779/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/8 /2022

Về việc “*tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Minh Hiền

2. Ông Lê Đình Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Trúc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 432/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 185/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Tuyết T**, sinh năm 1983

Địa chỉ: 15A Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Trần Minh P**, sinh năm 1983

Địa chỉ: 15A Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải: Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Tuyết T trình bày: Bà T và Ông P tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 01, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyển số 01/2011 cấp ngày 08/9/2011.

Trong quá trình chung sống do ông P ít quan tâm đến gia đình nên vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, ông P không quan tâm, chăm sóc gia đình và các con. Bà T và ông P đã nhiều lần nói chuyện, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay bà T nhận thấy tình cảm dành cho ông P không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông P để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà T khai có 03 con chung tên Trần Nguyễn Minh N, sinh ngày 15/5/2012, Trần Nguyễn Minh H, sinh ngày 7/9/2016 và Trần Nguyễn Thanh Y, sinh ngày 12/9/2020. Ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con bà T yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai không có.

Bị đơn, ông Trần Minh P vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án mời làm việc, hòa giải và không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Tuyết T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với Ông P. Nguyên nhân là do tình cảm bà T dành cho ông P không còn, vợ chồng không có sự thấu hiểu, chia sẻ, trong cuộc sống hàng ngày giữa bà T và ông P không có sự giao tiếp với nhau, nếu có vấn đề gì cần trao đổi thì trao đổi qua tin nhắn điện thoại. Bà T và ông P không còn dành cho nhau sự quan tâm, hạnh phúc gia đình không có.

Về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là Trần Nguyễn Minh N, sinh ngày 15/5/2012, Trần Nguyễn Minh H, sinh ngày 7/9/2016 và Trần Nguyễn Thanh Y, sinh ngày 12/9/2020. Mức cấp dưỡng nuôi con bà T yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, ông Trần Minh P vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông P đã thật sự trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 03 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con yêu cầu tự thỏa thuận.

Từ những căn cứ nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Pháp luật về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Tuyết T có đơn khởi kiện về việc ly hôn với bị đơn ông Trần Minh P, ông P có địa chỉ cư trú tại Quận C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân Phường 01, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/9/2011 thì quan hệ hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thị Tuyết T và ông Trần Minh P là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Bị đơn, ông Trần Minh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Pháp luật về nội dung:

Xét yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con của Bà Nguyễn Thị Tuyết T, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Hạnh phúc gia đình được xây dựng và vun đắp dựa trên tình yêu thương, sự tôn trọng và chia sẻ của cả vợ và chồng. Tuy nhiên, qua trình bày của bà T thể hiện vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, ông P ít quan tâm, chăm sóc đến gia đình. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, giấy triệu tập ông P đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, giấy triệu tập tham gia hòa giải nhưng ông P vẫn vắng mặt và không trình bày ý kiến của mình. Như vậy, thể hiện ông P cũng không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không thể hiện ý chí được hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình nên có thể thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông P đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà T là phù hợp quy định pháp luật.

Về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là Trần Nguyễn Minh N, sinh ngày 15/5/2012, Trần Nguyễn Minh H, sinh ngày 7/9/2016 và Trần Nguyễn Thanh Y, sinh ngày 12/9/2020. Mức cấp dưỡng nuôi con yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét, ông P không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không thể hiện nguyện vọng được nuôi con chung nên để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển và giáo dục con thì Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi 03 con chung của bà T là phù hợp và cũng phù hợp nguyện vọng của trẻ Trần Nguyễn Minh N về việc muốn được sống cùng mẹ. Việc cấp dưỡng nuôi con bà T yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm Bà T phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, khoản 2 Điều 227, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết T được ly hôn với ông Trần Minh P.

- Về con chung: Giao 03 con chung tên Trần Nguyễn Minh N, sinh ngày 15/5/2012, Trần Nguyễn Minh H, sinh ngày 7/9/2016 và Trần Nguyễn Thanh Y, sinh ngày 12/9/2020 cho bà T trực tiếp nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi bà T không yêu cầu tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T xác nhận không có.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân sơ thẩm Bà Nguyễn Thị Tuyết T phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí do Bà T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0031409 ngày 11/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Tuyết T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Ông Trần Minh P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU)

Trần Thị Hồng Út